

DỰ THẢO

QUY CHẾ

**Quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong
các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Nhơn Trạch**

*(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc cơ quan nhà nước, bao gồm:

- a) Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện và cấp xã.
- b) Các ban, ngành, đoàn thể trên địa huyện.
- c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện.
- d) Các trường học trên địa bàn huyện.
- đ) Các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị nêu trên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp” là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước trực tiếp quản lý thuê bao sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. “Yêu cầu chứng thực” là các yêu cầu cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số và khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật.

3. “Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực” là hệ thống điện tử hỗ trợ đăng ký, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ

trên môi trường mạng.

Điều 3. Giá trị pháp lý của chữ ký số

Giá trị pháp lý của chữ ký số theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 130/2018/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần được đóng dấu của cơ quan, tổ chức thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bởi chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

3. Chữ ký số và chứng thư số nước ngoài được cấp giấy phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Chương V Nghị định số 130/2018/NĐ-CP có giá trị pháp lý và hiệu lực như chữ ký số và chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Việt Nam cấp.

Điều 4. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số

Chữ ký số của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện được xem là chữ ký số an toàn khi đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số có hiệu lực đó.

2. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do tổ chức chứng thực số chuyên dùng Chính phủ cấp.

3. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

Điều 5. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (viết tắt là Thông tư số 185/2019/TT-BQP), cụ thể như sau:

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Thông tin liên hệ:

Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

Địa chỉ: Số 23 Ngụy Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại/Fax: 024.3773.8668

Địa chỉ thư điện tử: ca@bcy.gov.vn

Trang thông tin điện tử: <http://ca.gov.vn>

Mã định danh trao đổi văn bản điện tử: 000.05.07.G11

Điều 6. Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực

Việc gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

1. Gửi, nhận văn bản yêu cầu chứng thực giữa cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin được thực hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử có ký số theo quy định của pháp luật.

2. Gửi, nhận văn bản điện tử yêu cầu chứng thực giữa cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin được thực hiện trên Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực hoặc Trục liên thông văn bản quốc gia.

a) Văn bản điện tử yêu cầu chứng thực đã ký số theo quy định của pháp luật gửi, nhận qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực hoặc Trục liên thông văn bản quốc gia có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy và thay cho việc gửi, nhận văn bản giấy.

b) Văn bản điện tử yêu cầu chứng thực không thuộc điểm a khoản 2 Điều này gửi, nhận qua Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực hoặc Trục liên thông văn bản quốc gia có giá trị để biết, tham khảo, không thay cho việc gửi, nhận văn bản giấy. Trong trường hợp này, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phải cung cấp bản chính của văn bản giấy tại thời điểm tiếp nhận chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật.

Điều 7. Gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật

Việc gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

Gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật giữa thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin được thực hiện bằng phương thức trực tiếp, thông qua tổ chức cơ yếu hoặc thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ, CHỨNG THƯ SỐ

Điều 8. Cấp mới chứng thư số

1. Cấp mới chứng thư số cho cá nhân

a) Điều kiện cấp mới chứng thư số cho cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Phải là cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước có nhu cầu giao dịch điện tử;

Có văn bản đề nghị và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

b) Cấp mới chứng thư số cho cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

Cá nhân có văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (phòng Văn hóa và Thông tin huyện);

Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP đến Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, tổng hợp gửi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin đề xuất cấp.

2. Cấp mới chứng thư số cho cơ quan, tổ chức

a) Điều kiện cấp mới chứng thư số cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Phải là cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân;

Có quyết định thành lập cơ quan, tổ chức hoặc xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp;

Có văn bản đề nghị của người được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức và được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận.

b) Cấp mới chứng thư số cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

Người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu được cơ quan, tổ chức giao quản lý chứng thư số của cơ quan, tổ chức có văn bản đề nghị cấp chứng thư số theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (phòng Văn hóa và Thông tin huyện);

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tổng hợp gửi văn bản đề nghị cấp mới chứng thư số theo Mẫu 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP đến Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, tổng hợp gửi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin đề xuất cấp.

Điều 9. Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

1. Điều kiện gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo quy định tại Điều 63 và Điều 65 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Điều kiện gia hạn chứng thư số

Chứng thư số chỉ được đề nghị gia hạn 01 lần và phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị, được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt và đề nghị gia hạn chứng thư số.

b) Điều kiện thay đổi nội dung thông tin chứng thư số

Chứng thư số yêu cầu thay đổi nội dung thông tin phải đảm bảo còn thời hạn sử dụng ít nhất 60 ngày và thời hạn của chứng thư số sau khi được thay đổi nội dung thông tin sẽ giữ nguyên thời hạn sử dụng của chứng thư số trước khi thay đổi nội dung thông tin.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có văn bản đề nghị được cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp xác nhận đề nghị thay đổi nội dung thông tin chứng thư số.

2. Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

Thuê bao có văn bản đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo Mẫu 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (phòng Văn hóa và Thông tin huyện).

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tổng hợp gửi văn bản đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số theo Mẫu 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP đến Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, tổng hợp gửi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin đề xuất gia hạn hoặc thay đổi thông tin.

Điều 10. Thu hồi chứng thư số, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật

1. Thu hồi chứng thư số

a) Các trường hợp thu hồi chứng thư số thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

b) Việc thu hồi chứng thư số thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

Thuê bao có văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số theo Mẫu 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (phòng Văn hóa và Thông tin huyện);

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tổng hợp tổng hợp gửi văn bản đề nghị thu hồi chứng thư số theo Mẫu 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP đến Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, tổng hợp gửi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin đề xuất thu hồi.

2. Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật

Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

a) Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi, bàn giao cho Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin. Biên bản giao, nhận thiết bị lưu khóa bí mật sau khi chứng thư số hết hạn sử dụng hoặc chứng thư số bị thu hồi theo Mẫu 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

b) Trong trường hợp cá nhân, tổ chức đề thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc, cá nhân, tổ chức phải lập biên bản xác nhận theo Mẫu 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP gửi ngay về phòng Văn hóa và Thông tin để gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp gửi Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin thu hồi.

Điều 11. Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

1. Trường hợp phải khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện theo khoản 1 Điều 73 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Thiết bị lưu khóa bí mật sẽ bị khóa khi nhập sai mật khẩu quá số lần quy định do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thiết lập;

b) Để thiết bị lưu khóa bí mật hoạt động trở lại, cần phải thực hiện quy trình khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật;

c) Chỉ có tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ và các tổ chức được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ ủy quyền mới có quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật;

d) Danh sách các tổ chức được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ ủy quyền khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Việc khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

a) Thuê bao có văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo Mẫu 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 185/2019/TT-BQP gửi cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (phòng Văn hóa và Thông tin huyện).

b) Phòng Văn hóa và Thông tin huyện gửi văn bản đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo của Thông tư số 185/2019/TT-BQP về Sở Thông tin và Truyền thông để hỗ trợ khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật theo sự ủy quyền của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

Điều 12. Quản lý và sử dụng chứng thư số

1. Văn thư của cơ quan là người được lãnh đạo cơ quan giao quản lý và sử dụng chứng thư số của cơ quan có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này đối với chữ ký số, chứng thư số cơ quan được giao quản lý và sử dụng.

2. Chứng thư số của người có thẩm quyền của cơ quan theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch theo đúng chức danh của người đó.

3. Việc ký thay, ký thừa lệnh theo quy định của pháp luật được thực hiện bởi người có thẩm quyền và người ký thay, ký thừa lệnh phải sử dụng chứng thư số cá nhân của mình để ký.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 13. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa và Thông tin

1. UBND huyện Nhơn Trạch ủy quyền cho Phòng Văn hóa và Thông tin thực hiện nhiệm vụ quản lý, triển khai, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ theo Điều 12 Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra các thuê bao trong quá trình triển khai, quản lý và sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn, huấn luyện triển khai, sử dụng chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (khi cần thiết).

4. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND huyện, Sở Thông tin và Truyền thông về việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

Điều 14. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Căn cứ yêu cầu đảm bảo an toàn, xác thực thông tin trong giao dịch điện tử phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, thực hiện ký xác nhận văn bản

và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Phân công và cử cán bộ tiếp nhận chứng thư số, tiếp nhận chuyển giao việc cài đặt phần mềm ký số và đào tạo hướng dẫn sử dụng ký số tại đơn vị.

3. Thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật của tổ chức, cá nhân khi nghỉ hưu, thôi việc, hết hạn sử dụng, không còn được sử dụng bàn giao về phòng Văn hóa và Thông tin để bàn giao về Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin theo quy định.

4. Cập nhật, quản lý, lưu trữ hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật của thuê bao thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Đối với chứng thư số cơ quan phải có quyết định hoặc văn bản giao thiết bị lưu khóa bí mật cho cán bộ văn thư của cơ quan sử dụng để ký số; đảm bảo an toàn việc sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật tại cơ quan.

6. Định kỳ, đột xuất báo cáo về tình hình được cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ theo yêu cầu của UBND huyện, báo cáo gửi qua phòng Văn hóa và Thông tin huyện để tổng hợp và theo dõi.

7. Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số của cơ quan, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của Thuê bao

Trách nhiệm của Thuê bao thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể như sau:

1. Cung cấp các thông tin liên quan đến việc cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin của chứng thư số chính xác và đầy đủ.

2. Tiếp nhận chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật từ cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp thu hồi chứng thư số theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

4. Bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật thu hồi cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này.

5. Đề nghị khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật trong trường hợp thiết bị lưu khóa bí mật bị khóa theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

6. Sử dụng chứng thư số đúng mục đích và tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số, thiết bị lưu khóa mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

7. Quản lý thiết bị lưu khóa bí mật theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Phòng Văn hóa và Thông tin đưa các tiêu chí đánh giá tình hình triển khai chữ ký số, chứng thư số vào Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin hằng năm. Trên cơ sở đó đề xuất UBND huyện xem xét khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các cơ quan, cá nhân theo quy định hiện hành.

2. Phòng Nội vụ đưa tiêu chí sử dụng hiệu quả chữ ký số trong việc ký văn bản điện tử đảm bảo gửi nhận 100% văn bản điện tử trên môi trường điện tử (trừ các văn bản, tài liệu mật) vào tiêu chí thi đua cuối năm các cơ quan thuộc huyện và tiêu chí chấm điểm thi đua chính quyền cơ sở đối với các xã, thị trấn.

3. Tùy theo mức độ vi phạm, Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND-UBND và các cơ quan liên quan tham mưu UBND huyện áp dụng hình thức xử lý thích hợp đối với cá nhân và người đứng đầu cơ quan khi vi phạm nguyên tắc quản lý và sử dụng chứng thư số.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Văn hóa và Thông tin có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Phòng Văn hóa và Thông tin để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp trình UBND huyện xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH